

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/KDTM-ST

Ngày: 20-12-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc;

Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLST-KDTM ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S; trụ sở: Số 199, phố T, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Chị Lê Thị T, anh Nguyễn Cao Th, chị Trần Thị Hồng N, anh Nguyễn Tiến H; địa chỉ: Phòng 12B2, lầu 13, Block A, Tòa nhà I, số 04, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/4/2021, 19/5/2021). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Điện Q; trụ sở: 701/9B, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Anh Lâm Quang M, sinh năm 1975; thường trú: 268/10B, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 13-4-2021 và lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/02/2020, Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng Điện Q (nay là Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Điện Q, gọi tắt là Công ty Q) và Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) ký kết Hợp đồng mua bán số 142/2020/HĐMB/QUANGMINHPHAT-SANTO. Theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng, ngày 05/02/2020 Công ty S đã tiến hành giao hàng đợt 01 cho Công ty Q theo Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao nhận hàng hóa số 477641 ngày 05/02/2020, Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao nhận hàng hóa số 477642 ngày 05/02/2020. Ngày 06/02/2020 giao hàng đợt 2 theo Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao nhận hàng hóa số 477653 ngày 06/02/2020; Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao nhận hàng hóa số 477654 ngày 06/02/2020. Ngày 29/02/2020 Công ty S đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với số hàng hóa đã giao cho Công ty Q theo hóa đơn điện tử số 0006522 và 0006523, tổng giá trị 380.110.500 đồng.

Theo thỏa thuận tại Điều 3.2 và Điều 5.3 của Hợp đồng mua bán, Công ty Q có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho Công ty S trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận hàng. Trường hợp không thanh toán đúng hạn sẽ phải bồi thường 5% giá trị hợp đồng. Thời hạn thanh toán là ngày 22/3/2020.

Ngày 07/5/2020 giữa hai bên có ký kết Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, theo đó Công ty Q xác nhận còn nợ Công ty S số tiền 693.218.790 đồng, số tiền này bao gồm các khoản nợ khác và công nợ phát sinh từ Hợp đồng ngày 04/02/2020. Sau đó Công ty Q đã thanh toán một phần công nợ nhưng chưa thanh toán số nợ 380.110.500 đồng phát sinh từ hợp đồng ngày 04/02/2020.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Công ty Q thanh toán số tiền hàng còn nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán hàng hóa số 142-2020/HĐMB/QUANGMINHPHAT-SANTO ngày 04/02/2020 là: 380.110.500 đồng; Buộc Công ty Điện Quang Minh Phát thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ việc chậm thanh toán dư nợ tạm tính từ ngày 23/3/2020 đến 31/3/2020 là 58.072.033 đồng; Buộc Công ty Q thanh toán khoản tiền phạt hợp đồng do chậm thanh toán hóa đơn tiền hàng, cụ thể: $380.110.500 \text{ đồng} \times 5\% = 19.005.525 \text{ đồng}$.

Ngày 17/12/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt hợp đồng 19.005.525 đồng. Đối với tiền lãi chậm thanh toán, nguyên đơn đề nghị xem xét theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường.

- Bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Điện Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập đến Tòa án tự khai trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng trong suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng

mặt, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng 19.005.525 đồng, do đó đề nghị đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền hàng còn nợ và lãi chậm thanh toán có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Điện Q đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 02/12/2021, 20/12/2021 nhưng vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ngày 17/12/2021, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng 19.005.525 đồng. Xét đây là ý chí tự định đoạt của đương sự, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Nguyên đơn khai giữa Công ty S và Công ty Q có giao dịch mua bán hàng hóa thông qua việc ký kết hợp đồng. Trình bày của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng mua bán số 142/2020/HĐMB/QUANGMINHPHAT-SANTO, ngày 04/02/2020. Căn cứ nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận: Công ty Q mua của Công ty S sản phẩm là mặt hàng ống nhựa xoắn chịu lực HDPE các loại; Hình thức thanh toán: chuyển khoản; thời hạn thanh toán: trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận hàng. Việc nguyên đơn đã giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn thể hiện qua các Phiếu xuất kho kèm biên bản giao nhận hàng hóa và Hóa đơn giá trị gia tăng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã giao các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không có ý kiến phản đối, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận định giao dịch mua bán hàng hóa giữa hai bên là có thật, nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn

theo thỏa thuận. Căn cứ các phiếu xuất kho kiêm biên bản giao nhận hàng hóa thể hiện ngày Công ty Q nhận hàng là các ngày 05/02/2020, 06/02/2020, tổng số tiền hàng là 380.110.500 đồng. Như vậy ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán tiền hàng là ngày 22/3/2020. Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 07/5/2020 thể hiện công nợ của Công ty Q đến ngày 07/5/2020 là 693.218.790 đồng. Nguyên đơn thừa nhận công nợ này phát sinh từ các hợp đồng khác nhau, hiện bị đơn đã thanh toán một phần công nợ tuy nhiên đối với tổng số tiền hàng theo hợp đồng số 142/2020/HĐMB/QUANGMINHPHAT-SANTO, ngày 04/02/2020 thì bị đơn chưa thanh toán. Như vậy số tiền Công ty Q còn nợ Công ty S là 380.110.500 đồng. Công ty S khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng còn nợ 380.110.500 đồng là có căn cứ.

[3.2] Do bị đơn chậm thanh toán tiền hàng nên nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán tính tới ngày xét xử 20/12/2021 là có căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 142/2020/HĐMB/QUANGMINHPHAT-SANTO, ngày 04/02/2020 hai bên không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán, do đó, mức lãi suất này được xác định theo quy định của pháp luật, cụ thể theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tiền lãi được tính như sau: 380.110.500 đồng x 11,5%/năm x (01 năm 08 tháng 27 ngày) = 75.933.407 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Điện Q phải chịu theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 92, 147, 238, 244, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 50, 55, 306 Luật thương mại 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Điện Q thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng 19.005.525 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Điện Q.

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Điện Q phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S tổng tiền hàng theo Hợp đồng mua bán số 142/2020/HĐMB/QUANGMINHPHAT-SANTO, ngày 04/02/2020 là 380.110.500 (ba trăm tám mươi triệu một trăm mười nghìn năm trăm) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 20/12/2021 là 75.933.407 (bảy mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm lẻ bảy) đồng. Tổng cộng: 456.043.907 (bốn trăm năm mươi sáu triệu không trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm lẻ bảy) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Điện Q phải chịu 22.241.756 (hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm năm mươi sáu) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty Cổ phần S 11.143.000 (mười một triệu một trăm bốn mươi ba nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0049626 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân